

UBND TỈNH HÀ TĨNH
QUỸ PHÒNG, CHỐNG
THIÊN TAI TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 6 năm 2021

Số: 16 /QPCTT

Vv Thông báo chỉ tiêu kế hoạch
thu Quỹ Phòng, chống thiên tai
năm 2021.

Kính gửi:

- UBND các huyện, Thành phố, Thị xã;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Tĩnh năm 2021.

Cơ quan Quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh Thông báo tới các địa phương, đơn vị chỉ tiêu Kế hoạch thu và nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2021 (Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Số tài khoản: 3751.0.3024666.00000 của cơ quan Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh mở tại Kho bạc nhà nước Hà Tĩnh

Thời gian nộp: Hoàn thành trước ngày 30/10/2021

Đề nghị các địa phương nộp đúng chỉ tiêu kế hoạch và thời gian quy định ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và PTNT; | (để báo cáo)
- Giám đốc Quỹ;
- Bộ phận nghiệp vụ Quỹ;
- Lưu:KT, VT. *Tup*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Đức Hợi

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH HÀ TĨNH NĂM 2021
(Kèm theo Thông báo số 16/QPCTT ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Cơ quan Quản lý Quỹ cấp tỉnh)



TT	Tên huyện, thị, thành phố	Khôi cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị nhà nước cấp huyện, cấp phường, cấp xã						Khôi cán bộ lực lượng vũ trang hưởng lương						Người lao động khác trong các phường, xã						Người lao động trong các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập		
		Tổng số người (người)	Số người phải đóng Quỹ (người)	Số người được miễn, giảm (người)	Số tiền miễn giảm (triệu đồng)	Tổng số người (người)	Số người phải đóng Quỹ (người)	Số người được miễn, giảm (người)	Số tiền miễn giảm (triệu đồng)	Tổng số người (người)	Số người phải đóng Quỹ (người)	Số người được miễn, giảm (người)	Số tiền miễn giảm (triệu đồng)	Tổng số người (người)	Số người phải đóng Quỹ (người)	Số người được miễn, giảm (người)	Số tiền miễn giảm (triệu đồng)	Tổng số người (người)	Số người phải đóng Quỹ (người)	Số người được miễn, giảm (người)	Số tiền miễn giảm (triệu đồng)	
A	B	1	2	3	4	5	6=5-7	7	8	9	10=9-11	11	12	13	14=13-15	15	16	17	18=17-19	19	20	
1	Thành phố Hà Tĩnh	66.257	36.467	29.790	454,4	8.291	8.257	34	8,09					44.098	14.342	29.756	446,3	13.868	13.868	-	-	
2	Thị xã Kỳ Anh	45.431	28.208	17.223	278,9	2.245	2.110	135	22,53					31.318	14.230	17.088	256,3	11.868	11.868	-	-	
3	Thị xã Hồng Lĩnh	16.450	9.767	6.683	102,9	1.379	1.373	6	1,38					13.599	6.922	6.677	101,5	1.472	1.472	-	-	
4	Huyện Kỳ Anh	66.969	46.544	20.425	306,4	2.383	2.383	-	-					64.103	43.678	20.425	306,4	483	483	-	-	
5	Huyện Cẩm Xuyên	66.469	46.880	19.589	316,5	3.244	3.209	35	23,19					62.121	42.567	19.554	293,3	1.104	1.104	-	-	
6	Huyện Thạch Hà	71.306	47.339	23.967	360,2	3.290	3.284	6	0,81					64.357	40.396	23.961	359,4	3.659	3.659	-	-	
7	Huyện Lộc Hà	45.129	27.543	17.586	263,8	2.023	2.023	-	-					42.641	25.055	17.586	263,8	465	465	-	-	
8	Huyện Can Lộc	67.450	50.072	17.378	268,3	3.243	3.203	40	8,24					63.494	46.156	17.338	260,1	713	713	-	-	
9	Huyện Nghi Xuân	50.642	34.372	16.270	295,2	2.475	2.460	15	2,79					47.247	27.750	19.497	292,5	920	4.162	-	-	
10	Huyện Đức Thọ	53.552	33.461	20.091	305,4	2.675	2.652	23	4,38					45.262	25.194	20.068	301,0	5.615	5.615	-	-	
11	Huyện Hương Sơn	57.921	49.159	8.762	131,4	3.262	3.262	-	-					54.399	45.637	8.762	131,4	260	260	-	-	
12	Huyện Vũ Quang	20.617	11.566	9.051	135,8	1.503	1.503	-	-					18.534	9.483	9.051	135,8	580	580	-	-	
13	Huyện Hương Khê	52.181	23.066	29.115	399,5	2.944	2.941	3	0,38					46.249	17.137	26.608	399,1	2.988	2.988	-	-	
	Cộng	680.374	444.444	235.930	3.618,7	38.957	38.660	297	71,8	-	-	-	-	597.422	358.547	236.371	3.546,9	43.995	47.237	-	-	

CƠ QUAN QUẢN LÝ QUỸ CẤP TỈNH

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÔNG TÁC KINH TẾ HẠCH TOÁN ĐỘC LẬP ĐÓNG QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH HÀ TĨNH NĂM 2021
 (Kèm theo Thông báo số 16 /QPCTT ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Cơ quan Quản lý Quỹ cấp tỉnh)



TT	Tên đơn vị	Các tổ chức hạch toán độc lập đăng ký hoạt động trên địa bàn toàn tỉnh													Số tiền đóng (triệu đồng)	Số người (người)	Số tiền đóng (triệu đồng)	Tổng cộng số tiền phải đóng Quỹ (triệu đồng)
		Số tổ chức đang hoạt động trên địa bàn																
		Số tổ chức phải đóng Quỹ		Số tổ chức được giảm theo tỷ lệ		Số tổ chức miễn (đơn vị)		Số tổ chức hoạt động (đơn vị)		Số tổ chức có mặt trên địa bàn (đơn vị)		Số người lao động trong các tổ chức đóng						
		Số tổ chức (đơn vị)	Số tiền (triệu đồng)	Số tổ chức (đơn vị)	Số tiền đóng (triệu đồng)	Số tổ chức (đơn vị)	Số tiền (triệu đồng)	Số tổ chức (đơn vị)	Số tiền (triệu đồng)	Số tổ chức (đơn vị)	Số tiền (triệu đồng)	Số người	Số tiền đóng (triệu đồng)					
A	B	1=3+5	2=4+6	3	4	5	6	7	8=1+7	9	10=8+9	11	12	13=2+12				
1	Thành phố Hà Tĩnh	1.495	5.191,2	1.495	5.191,2			126	1.495	600	1.495	13.868	1.637,3	6.828,5				
2	Thị xã Kỳ Anh	474	2.006,4	12	748,2	462	1.258,2		600		600	11.868	1.565,7	3.572,1				
3	Thị xã Hồng Lĩnh	139	707,7	100	549,9	39	158		139		139	1.472	173,7	881,4				
4	Huyện Kỳ Anh	173	467,4	173	467,4				173		173	483	57,0	524,5				
5	Huyện Cẩm Xuyên	281	641,3	124	474,0	157	167,3	80	361		361	1.104	130,3	771,6				
6	Huyện Thạch Hà	261	369,5	261	369,5			440	701		701	3.659	432,0	801,5				
7	Huyện Lộc Hà	172	186,1	172	186,1			26	172	107	279	465	54,9	241,0				
8	Huyện Can Lộc	175	213,1	106	169,8	69	43,3		201		201	713	84,2	297,3				
9	Huyện Nghi Xuân	184	170,9	184	170,9				184		184	920	108,6	279,5				
10	Huyện Đức Thọ	194	391,5	194	391,5			59	194	89	260	5.615	663,0	1.054,5				
11	Huyện Hương Sơn	30	55,7	30	55,7				79		79	580	68,5	108,0				
12	Huyện Vũ Quang	79	39,5	79	39,5			27	178		178	2.988	352,8	978,3				
13	Huyện Hương Khê	151	625,5	151	625,5				758	107	4.673	43.995	5.358,7	16.424,7				
	Cộng	3.808	11.066,0	3.081	9.439,4	727	1.626,7	758	4.566	107	46.73	43.995	5.358,7	16.424,7				

CƠ QUAN QUẢN LÝ QUỸ CẤP TỈNH

Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch thu
Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2021, tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2018;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai; Nghị định 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Cơ quan Quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Tĩnh kèm theo báo cáo Kế hoạch thu Quỹ các địa phương, đơn vị tại Tờ trình số 15/TTr-QPCTT ngày 03/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu Kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai (sau đây gọi tắt là Quỹ) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng Kế hoạch thu Quỹ toàn tỉnh năm 2021 là 30.305,1 triệu đồng (*bằng chữ: Ba mươi tỷ, ba trăm linh năm triệu, một trăm ngàn đồng*)

- Thu nộp về Cơ quan Quản lý Quỹ tỉnh: 23.5863,3 triệu đồng;

- Để lại 22,5% tổng số thu thực tế của cấp huyện, xã: 6.721,9 triệu đồng. (*Đây là số liệu kế hoạch; số kinh phí thực tế để lại cấp huyện, xã được tính theo tỷ lệ % của số thu thực tế trên địa bàn*).

Phân bổ chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ cho các huyện, thành phố, thị xã, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (*có Phụ lục 01 chi tiết kèm theo*).

2. Thời hạn nộp quỹ: Hoàn thành trước ngày 30/10/2021.

3. Công khai nguồn thu, chi quỹ: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ; Điều 16, Quyết định 14/2020/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh và các Quy định hiện hành.

4. Nguồn Quỹ PCTT trích cho các địa phương đơn vị: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Miễn đóng Quỹ cho 235.930 người, 758 đơn vị tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài và giảm đóng theo tỷ lệ cho 727 đơn vị tổ chức kinh tế (theo đối tượng miễn được quy định tại Điều 6 Nghị định 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính Phủ (có Phụ lục 02 và 03 chi tiết kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan Quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh có trách nhiệm thông báo số chỉ tiêu Kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2021 đến UBND các huyện, thành phố, thị xã, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh; thường xuyên kiểm tra đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện việc thu, nộp Quỹ đúng theo chỉ tiêu kế hoạch giao và thời gian quy định, báo cáo UBND tỉnh kịp thời để chỉ đạo thực hiện.

2. UBND các huyện, thành phố, thị xã thông báo số chỉ tiêu Quỹ đến UBND cấp xã, phường, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức kinh tế đóng trên địa bàn, tổ chức thu Quỹ và nộp tiền vào tài khoản 3751.0.3024666.00000 của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Tĩnh mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh, đúng theo chỉ tiêu kế hoạch và thời gian quy định (trừ phần đã trích lại cấp huyện, xã theo quy định). Trường hợp có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh để chỉ đạo xử lý kịp thời.

3. Khối lượng vũ trang tổ chức thu Quỹ và nộp tiền vào tài khoản 3751.0.3024666.00000 của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Tĩnh mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh, đúng theo chỉ tiêu kế hoạch và thời gian quy định.

4. Cơ quan Thuế có trách nhiệm phối hợp với các địa phương thu Quỹ Phòng, chống thiên tai đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Cơ Quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục thuế Hà Tĩnh, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN và PTNT;
- Ban chỉ đạo TW PCTT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP Nguyễn Duy Nghị;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu VT, NL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Trọng Hải

Phụ lục 03:

TỔNG HỢP KHỐI TỐ CHỨC KINH TẾ HẠCH TOÁN ĐỘC LẬP ĐÓNG QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH HÀ TĨNH NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Tên đơn vị	Các tổ chức hạch toán độc lập đăng ký hoạt động trên địa bàn toàn tỉnh													Người lao động trong các tổ chức đóng		Tổng cộng số tiền phải đóng Quỹ (triệu đồng)
		Số tổ chức đang hoạt động trên địa bàn													Số tiền đóng (triệu đồng)	Số người (người)	
		Tổng cộng		Số tổ chức phải đóng Quỹ			Số tổ chức được miễn (đơn vị)	Cộng (đơn vị)	Số tổ chức ngừng hoạt động (đơn vị)	Tổng số tổ chức có mặt trên địa bàn (đơn vị)							
		Số tổ chức (đơn vị)	Số tiền (triệu đồng)	Số phải đóng Quỹ 100%	Số tổ chức được giảm theo tỷ lệ	Số tiền đóng (triệu đồng)											
A	B	1=3+5	2=4+6	3	4	5	6	7	8=1+7	9	10=8+9	11	12	13=2+12			
1	Thành phố Hà Tĩnh	1,495	5,191.2	1,495	5,191.2				1,495		1,495	13,868	1,637.3	6,828.5			
2	Thị xã Kỳ Anh	474	2,006.4	12	748.2	462	1,258.2	126	600		600	11,868	1,565.7	3,572.1			
3	Thị xã Hồng Lĩnh	139	707.7	100	549.9	39	158		139		139	1,472	173.7	881.4			
4	Huyện Kỳ Anh	173	467.4	173	467.4				173		173	483	57.0	524.5			
5	Huyện Cẩm Xuyên	281	641.3	124	474.0	157	167.3	80	361		361	1,104	130.3	771.6			
6	Huyện Thạch Hà	261	369.5	261	369.5			440	701		701	3,659	432.0	801.5			
7	Huyện Lộc Hà	172	186.1	172	186.1				172	107	279	465	54.9	241.0			
8	Huyện Can Lộc	175	213.1	106	169.8	69	43.3	26	201		201	713	84.2	297.3			
9	Huyện Nghi Xuân	184	170.9	184	170.9				184		184	920	108.6	279.5			
10	Huyện Đức Thọ	194	391.5	194	391.5				194		194	5,615	663.0	1,054.5			
11	Huyện Hương Sơn	30	55.7	30	55.7			59	89		89	260	30.68	86.4			
12	Huyện Vũ Quang	79	39.5	79	39.5				79		79	580	68.5	108.0			
13	Huyện Hương Khê	151	625.5	151	625.5			27	178		178	2,988	352.8	978.3			
	Cộng	3,808	11,066.0	3,081	9,439.4	727	1,626.7	758	4,566	107	4,673	43,995	5,358.7	16,424.7			

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 02:
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH HÀ TĨNH NĂM 2021
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Tên huyện, thị, thành phố	Tổng cộng				Khởi cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị nhà nước cấp huyện, cấp phường, cấp xã				Khởi cán bộ lực lượng vũ trang hương lương				Người lao động khác trong các phường, xã				Người lao động trong các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập			
		Tổng số người (người)	Số người phải đóng Quỹ (người)	Số người được miễn, giảm (người)	Số tiền miễn giảm (triệu đồng)	Tổng số người (người)	Số người phải đóng Quỹ (người)	Số người được miễn, giảm (người)	Số tiền miễn giảm (triệu đồng)	Tổng số người (người)	Số người phải đóng Quỹ (người)	Số người được miễn, giảm (người)	Số tiền miễn giảm (triệu đồng)	Tổng số người (người)	Số người phải đóng Quỹ (người)	Số người được miễn, giảm (người)	Số tiền miễn giảm (triệu đồng)	Tổng số người (người)	Số người phải đóng Quỹ (người)	Số người được miễn, giảm (người)	Số tiền miễn giảm (triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6-5-7	7	8	9	10-9-11	11	12	13	14-13-15	15	16	17	18-17-19	19	20
1	Thành phố Hà Tĩnh	66,257	36,467	29,790	454.4	8,291	8,257	34	8.09	44,098				44,098	14,342	29,756	446.3	13,868	13,868	-	-
2	Thị xã Kỳ Anh	45,431	28,208	17,223	278.9	2,245	2,110	135	22.53	31,318				31,318	14,230	17,088	256.3	11,868	11,868	-	-
3	Thị xã Hồng Lĩnh	16,450	9,767	6,683	102.9	1,379	1,373	6	1.38	13,599				13,599	6,922	6,677	101.5	1,472	1,472	-	-
4	Huyện Kỳ Anh	66,969	46,544	20,425	306.4	2,383	2,383	-	-	64,103				64,103	43,678	20,425	306.4	483	483	-	-
5	Huyện Cẩm Xuyên	66,469	46,880	19,589	316.5	3,244	3,209	35	23.19	62,121				62,121	42,567	19,554	293.3	1,104	1,104	-	-
6	Huyện Thạch Hà	71,306	47,339	23,967	360.2	3,290	3,284	6	0.81	64,357				64,357	40,396	23,961	359.4	3,659	3,659	-	-
7	Huyện Lộc Hà	45,129	27,543	17,586	263.8	2,023	2,023	-	-	42,641				42,641	25,055	17,586	263.8	465	465	-	-
8	Huyện Can Lộc	67,450	50,072	17,378	268.3	3,243	3,203	40	8.24	63,494				63,494	46,156	17,338	260.1	713	713	-	-
9	Huyện Nghi Xuân	50,642	34,372	16,270	295.2	2,475	2,460	15	2.79	47,247				47,247	27,750	19,497	292.5	920	4,162	-	-
10	Huyện Đức Thọ	53,552	33,461	20,091	305.4	2,675	2,652	23	4.38	45,262				45,262	25,194	20,068	301.0	5,615	5,615	-	-
11	Huyện Hương Sơn	57,921	49,159	8,762	131.4	3,262	3,262	-	-	54,399				54,399	45,637	8,762	131.4	260	260	-	-
12	Huyện Vũ Quang	20,617	11,566	9,051	135.8	1,503	1,503	-	-	18,534				18,534	9,483	9,051	135.8	580	580	-	-
13	Huyện Hương Khê	52,181	23,066	29,115	399.5	2,944	2,941	3	0.38	46,249				46,249	17,137	26,608	399.1	2,988	2,988	-	-
	Cộng	680,374	444,444	235,930	3,618.7	38,957	38,660	297	71.8	597,422	-	-	-	597,422	358,547	236,371	3,546.9	43,995	47,237	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

